Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 21

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BÌNH PHÚ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Chiến thắng sông Lô (ĐT 323)	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ (xã Hạ Giáp cũ)	Ngã ba đường Cảng Tiên Du (đường chuyên dùng nhà máy)	2.800	1.500	1.120	1.120	620	450	840	460	340
2		Ngã ba đường Cảng (đường chuyên dùng nhà máy)	Lối rẽ khu 9 xã An Đạo cũ (nhà ông Sơn Thông)	2.400	1.320	960	960	530	380	720	400	290
3		Lối rẽ khu 9 xã An Đạo cũ (qua nhà ông Sơn Thông)	Ngã ba trạm bơm tiêu Bình Bộ	1.800	990	720	720	400	290	540	300	210
4		Ngã ba trạm bơm tiêu Bình Bộ	Giáp địa giới phường Vân Phú (xã Hùng Lô cũ)	6.000	3.300	2.400	2.400	1.320	960	1.800	990	720
5	Đường tỉnh 323C	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh	Cửa hàng tạp hoá Công Thiết (xã An Đạo cũ)	5.700	3.130	2.280	2.280	1.250	910	1.710	940	680
6		Cửa hàng tạp hoá Công Thiết (xã An Đạo cũ)	Cổng nhà ông Ngôn Nghiệp (Khu 1, xã Bình Phú cũ)	3.200	1.760	1.280	1.280	700	510	960	530	380
7		Cổng nhà ông Ngôn Nghiệp (Khu 1, xã Bình Phú cũ)	Ngã ba cổng chào Nhà văn hóa khu Gai Hạ (xã Bình Phú cũ)	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.650	1.200
8		Ngã ba cổng chào Nhà văn hóa khu Gai Hạ (xã Bình Phú cũ)	Giáp bến Phà Then (đường chiến thắng sông Lô ĐT 323)	3.600	1.980	1.440	1.440	790	580	1.080	600	430
9	Đường tỉnh 323G	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh (xã Phú Nham cũ)	Giáp đường chiến thắng sông Lô (ĐT 323 xã Tiên Du cũ)	3.600	1.980	1.440	1.440	790	580	1.080	590	430
10		Ngã 3 đường chiến thắng sông Lô đi Quốc lộ 2 (giáp tường rào UBND xã Tiên Du cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ (xã Gia Thanh cũ)	2.800	1.540	1.120	1.400	770	560	1.120	620	450
11	Đường tỉnh 323H	Ngã ba tiếp giáp đường chiến thắng sông Lô (ĐT 323) Khu 7, khu 8 (xã Tiên Du cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh (xã Phú Nham cũ)	2.800	1.540	1.120	1.120	620	450	840	460	340

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
12	Đường chuyên dùng nhà máy Giấy	Ngã ba đường Cảng (xã Tiên Du cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh (TT Phong Châu cũ)	2.800	1.540	1.120	1.120	620	450	840	460	340
13	Đường Âu Cơ	Cổng làng Thị khu 8 (xã Tiên Du cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Phù Ninh (xã Phú Nham cũ)	3.500	1.930	1.400	1.400	770	560	1.050	580	420
14		Ngã tư đường Cảng (xã Tiên Du cũ)	Đường tỉnh 323C (Cổng chào xã An Đạo cũ)	3.500	1.930	1.400	1.400	770	560	1.050	580	420
15		Đường tỉnh 323C (Cổng chào xã An Đạo cũ)	Ngã ba trạm bơm tiêu Bình Bộ	3.600	1.980	1.440	1.440	790	580	1.080	600	430
16	Đường liên xã, trục xã	Giáp ĐT 323C (Nhà ông Lương Thủy)	Hết địa phận nhà ông Đái Văn Trưởng khu 1 (xã An Đạo cũ)	2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
17		Giáp ranh địa phận nhà ông Đái Văn Trưởng khu 1 (xã An Đạo cũ)	Cổng chùa Hoàng Long (xã An Đạo cũ)	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
18		Giáp ĐT 323C (giáp đất nấm ông Nghiêm)	Điểm đầu bãi rác thải	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
19		Cổng chợ Dốc (xã An Đạo cũ)	Giáp đường Chiến thắng sông Lô (xã An Đạo cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
20		Đường tỉnh 323C qua nhà văn hoá khu 4	Nhà ông Đào Tài (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
21		Đường tỉnh 323C Nhà ông Thắng (xã An Đạo cũ)	Nhà văn hoá khu 10 (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
22		Đường tỉnh 323C (nhà Công Thiết)	Nhà Sơn Thông (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
23		Nhà Văn hoá khu 10 qua nhà văn hoá khu 8 (xã An Đạo cũ)	Đường chiến thắng Sông Lô (ĐT 323 giáp bến đò xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
24		Nhà ông Nga Lược (giáp ĐT 323C xã Tử Đà cũ)	Cổng nghĩa trang Gò Giữa (Châu Húc xã Tử Đà cũ)	1.800	990	720	720	400	300	540	300	220
25		Cổng nghĩa trang Gò Giữa (Châu Húc xã Tử Đà cũ)	Qua UBND xã Bình Bộ cũ đến đường Chiến Thắng Sông Lô (ĐT 323)	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
26	Đường liên xã, trục xã	Cổng nghĩa trang Gò Giữa (Châu Húc xã Tử Đà cũ)	Qua UBND xã Tử Đà cũ đến giáp đường tỉnh 323C	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190
27		Trạm y tế xã Bình Phú (cũ)	Lò Mát (khu Răm)	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190
28		Ngã ba chùa Nguyệt Quang	Nhà Thơ Thìn (xã Bình Phú cũ)	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190
29		UBND xã Bình Phú	Qua Cầu Trảu đến giáp đường Chiến Thắng Sông Lô (ĐT 323)	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190
30		Nhà ông Sơn Thông khu 9 xã An Đạo Cũ (Đường Chiến thắng sông Lô, ĐT 323)	Nhà bà Bộ (khu 5, xã Bình Phú)	1.600	880	640	640	350	260	480	260	190
31		Giáp đường Chiến Thắng Sông Lô (ĐT 323) qua UBND xã Vinh Phú cũ	Giáp địa giới hành chính phường Vân Phú (xã Kim Đức cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
32		Nhà ông Bạn Toàn (khu Tranh Trong, xã Bình Phú cũ)	Giáp địa giới hành chính phường Vân Phú (xã Kim Đức cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
33	Đường trục thôn	Cổng nhà San Loan (xã An Đạo cũ)	Nhà ông Ngô Minh Đường (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
34		Đường Chiến Thắng Sông Lô (ĐT 323) qua cổng nhà ông Chừng xã Vĩnh Phú cũ	Cống Tranh cũ (giáp khu Lũng Hàng, xã Bình Phú cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
35		Đường Chiến Thắng Sông Lô (ĐT 323)	Cổng Trường THCS xã Vĩnh Phú (cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
36		Ngã ba nhà Nguyên Dũng (khu 3, xã Bình Phú cũ)	Nhà bà Kỳ (khu 2, xã Bình Phú cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
37		Nhà ông Sơn Bích (khu 1, xã Bình Phú cũ)	Nhà ông Bộ Quyết (khu 2, xã Bình Phú cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
38		Sân vận động xã Bình Bộ (cũ)	Giáp đường tỉnh 323C	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
39	Các tuyến đường khác	Đất ở đường liên thôn, liên xã còn lại		1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
40		Giáp ĐT 323C	Đi Cảng An Đạo (cửa hàng Nam Hải)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
41		Đường 323C qua nhà máy thép	Đường chiến thắng Sông Lô (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
42	Các tuyến đường khác	Đường 323C (xã An Đạo cũ)	Trạm y tế xã (xã An Đạo cũ)	1.500	830	600	600	330	240	450	250	180
43		Nhà ông Ngô Quang Trung đấu nối đường Chiến Thắng Sông Lô và đường sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (xã An Đạo cũ)		1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
*	**Khu dân cư, khu đấu giá**											
44	Tuyến đường thuộc khu tái định cư khu 8 (xã Tiên Du cũ)			3.000			1.300			1.000		
45	Tuyến đường thuộc khu đấu giá đất Núi Định, Núi Bà Phòng, Cây Khế			4.700			2.400			1.900		
46	Tuyến đường thuộc khu đấu giá Đồng Lường			6.000			2.400			1.800		
47	Tuyến đường thuộc khu đấu giá Khu Đồng Phiêng			1.200			500			400		
48	Tuyến đường thuộc khu tái định cư Đồng Ré, khu Lũng Hàng			1.300			600			440		
49	Tuyến đường thuộc khu tái định cư Tay Kèo Trong, Tay Kèo Ngoài, khu Xóm Cầu			1.300			600			440		
50	Khu dân cư nông thôn mới (xã An Đạo cũ, huyện Phù Ninh)			6.600			2.600			2.000		
51	Tuyến đường thuộc khu đấu giá đất Núi Ông Kha			6.000			2.400			1.800		
52	Tuyến đường thuộc khu đấu giá đất Mả Vàng			7.000			2.800			2.100		
53	Tuyến đường thuộc khu đấu giá đất Núi Bờ Đình			8.000			3.200			2.400		
54	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			700			300			200		